

Bản án số: 124/2018/HS-ST

Ngày 29 tháng 11 năm 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VH, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Quang.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Quách Công Cầm và bà Trần Thị Thu Thủy.

- Thư ký phiên tòa: ông Đỗ Xuân Vinh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện V H, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V H tham gia phiên tòa: Ông Trương Phi Bảo - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện V H, tỉnh Sơn La, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 118/2018/TLST-HS ngày 09 tháng 11 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 129/2018/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 11 năm 2018, đối với các bị cáo:

1. Sòng A T (tên gọi khác Tr), sinh năm 1979, tại V H, Sơn La.

Nơi cư trú: Bản S C, xã L L, huyện V H, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ văn hoá: Không biết chữ; dân tộc: Mông; giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Sòng A C (đã chết) và bà Thảo Thị L; Bị cáo có vợ là Tráng Thị D và 04 con;

Nhân thân: Ngày 16/3/2009 UBND huyện M Ch, tỉnh Sơn La ra Quyết định cưỡng chế chữa trị, giáo dục lao động tại Trung tâm giáo dục lao động tỉnh Sơn La; Tiền án: không;

Bị bắt, tạm giữ ngày 07 tháng 10 năm 2018 đến nay. Có mặt.

2. Ngô Văn Đ, sinh năm 1980, tại Ch M, Hà Nội.

Nơi cư trú: Xóm M, xã T Đ, huyện Ch M, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 7/12 ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: Đạo Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Ngô Văn Đ và bà Đỗ Thị X; Bị cáo có vợ là Nguyễn Thị P và 03 con;

Nhân thân:

+ Ngày 16/8/2011 UBND huyện Ch M, Hà Nội ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở chữa bệnh bắt buộc. Ngày 23/7/2013 ra Quyết định áp dụng biện pháp quản lý sau cai nghiện ma túy;

Bị bắt, tạm giữ ngày 06 tháng 10 năm 2018 đến nay. Có mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

+ Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1988; địa chỉ: Xóm C, xã T Đ, huyện Ch M, thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 15 giờ 00 phút, ngày 16/10/2018, tại bản C Ch, xã L L, huyện V H, tỉnh Sơn La. Tổ công tác Công an huyện V H kiểm tra xe máy nhãn hiệu Honda, BKS 33M9 - 9714 do Ngô Văn Đ điều khiển, chở phía sau Nguyễn Văn T, phát hiện Ngô Văn Đ lấy trong người ra 02 gói nilon nhỏ ném xuống đường. Tổ công tác đã phát hiện, thu giữ và niêm phong gồm: 01 gói nilon màu trắng, bên trong có 03 gói nilon màu đen đựng chất bột màu trắng, nghi là Heroine và 01 gói màu đen đựng 05 viên màu hồng, nghi là ma túy tổng hợp.

Đ và T khai nhận, do quen biết và đều nghiện ma túy, nên khoảng 09 giờ 00 ngày 06/10/2018, Đ gọi điện rủ T cùng nhau lên huyện V H để mua ma túy sử dụng. T lấy xe máy đến đón Đ ở Trung tâm điều trị Methanon Xuân Mai. Sau đó, T để Đ điều khiển xe chở T lên V H. Đến bản S C, xã L L, Đ đưa T vào nhà Sòng A T. Đ hỏi mua, nhưng được T cho 01 gói Heroine. Đ pha số ma túy vào 02 chiếc xilanh mang đi từ trước, đưa cho T 01 chiếc cùng nhau chích vào cơ thể. Sử dụng ma túy xong, Đ đi theo T vào buồng ngủ hỏi mua được 03 gói Heroine với giá 4.000.000 đồng và 06 viên Hồng phiến với giá 300.000 đồng, đều được gói bằng nilon màu đen. Bán ma túy xong, T đi ra ngoài. Ở trong buồng, Đ lấy 01 viên Hồng phiến và một ít Heroine để sử dụng. Số ma túy còn lại, Đ lấy thêm một gói nilon màu trắng gói lại, cất vào túi quần bên trái, quay ra gọi T về. Đến bản C Ch, xã L L bị Tổ công tác Công an huyện V H kiểm tra. Sợ bị phát hiện, Đ ném số ma túy xuống đường thì bị phát hiện. Số ma túy Đ ném xuống đường là của Đ mua của Sòng A T đem về sử dụng. T cũng khai nhận không hề biết việc Đ đã mua ma túy lúc nào, bao nhiêu tiền, chỉ đến khi bị bắt mới biết Đ tàng trữ riêng để sử dụng.

Sòng A T khai nhận, khoảng tháng 8/2018 T gặp và hỏi mua được của một người đàn ông dân tộc Mông, quốc tịch Lào, không biết tên, địa chỉ 01 túi Hồng phiến và 01 gói Heroine. Sau đó, đem về nhà cất giấu, có ai hỏi thì bán lại kiếm lời. Khi Đ và T đến, Đ hỏi mua thì được T bán lại cho hai loại ma túy với giá 4.300.000 đồng.

Cơ quan điều tra đã tạm giữ của Ngô Văn Đ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Mastel, vỏ màu xanh đen có chứa 01 sim Viettel số thuê bao 0982.980.105 đã qua sử dụng và 500.000 đồng tiền Ngân hàng Việt Nam. Tạm giữ của Nguyễn Văn T 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia vỏ màu xanh đen, bên trong có 01 sim Viettel có số thuê bao 0869.965.891 đã qua sử dụng, 01 xe máy nhãn hiệu Honda, loại Wave&, màu sơn đỏ BKS 33M9 – 9714 đã qua sử dụng, 01 thẻ căn cước công dân số 001088010932 mang tên Nguyễn Văn T và 200.000 đồng tiền Ngân hàng Việt Nam và dẫn giải Đ và T về Cơ quan điều tra để xử lý.

Theo lời khai của Ngô Văn Đ, Nguyễn Văn T, Cơ quan điều tra đã tiến hành khám xét và bắt giữ khẩn cấp đối với Sòng A T, thu giữ: 02 gói nilon bên trong có 198 viên nén màu hồng, nghi là ma túy tổng hợp (Hồng phiến), 01 gói nilon bên trong đựng chất bột màu trắng nghi là Heroine, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo 1201 vỏ màu xanh đen, bên trong có 01 sim Viettel có số thuê bao 033.239.7546 và 01 sim Vinaphone số thuê bao 0948.037.433 đã qua sử dụng, 01 túi giả da màu tím có khóa đã qua sử dụng và 4.300.000 đồng tiền Ngân hàng Việt Nam.

Tại Cơ quan điều tra tiến hành cân tịnh đã xác định như sau:

* Về số vật chứng thu của Ngô Văn Đ:

+ Chất bột màu trắng đựng trong gói nilon màu đen thứ nhất có khối lượng 1,84 gam, trích 0,13 gam làm mẫu giám định, ký hiệu ĐT.

+ Chất bột màu trắng đựng trong gói nilon màu đen thứ hai có khối lượng 1,03 gam, trích 0,13 gam làm mẫu giám định, ký hiệu ĐT2.

+ Chất bột màu trắng đựng trong gói nilon màu đen thứ ba có khối lượng 0,82 gam, trích 0,1 gam làm mẫu giám định, ký hiệu ĐT4.

+ Số 05 viên nén màu hồng trong gói nilon màu đen có khối lượng 0,47 gam, trích 03 viên, khối lượng 0,29 gam làm mẫu giám định, ký hiệu ĐT6.

Tổng khối lượng thu giữ là 4,16 gam.

* Về số vật chứng thu của Sòng A T:

+ Số 195 viên nén màu hồng đựng trong túi nilon màu xanh thứ nhất có khối lượng 19,54 gam, lấy 05 viên khối lượng 0,50 gam làm mẫu giám định, ký hiệu T.

+ Số 03 viên nén màu hồng đựng trong túi nilon màu xanh thứ hai có khối lượng 0,27 gam, lấy 03 viên khối lượng 0,18 gam làm mẫu giám định, ký hiệu T2.

+ Chất bột màu trắng đựng trong gói nilon màu đen có khối lượng 4,28 gam, trích 0,11 gam làm mẫu giám định, ký hiệu T4.

Tổng khối lượng thu giữ là 24,09 gam.

Kết luận giám định số 1077/KLMT ngày 11/10/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La, kết luận: *"Mẫu gửi giám định ký hiệu ĐT6, T, T2 là ma túy; Loại Methamphetamine; Tổng khối lượng của mẫu gửi giám định là 0,97 gam; Mẫu gửi giám định ký hiệu ĐT, ĐT2, ĐT4, T4 là ma túy, Loại Heroine, tổng khối lượng của mẫu gửi giám định là 0,47 gam. Tổng khối lượng của ma túy thu giữ được là 20,28 gam, loại Methamphetamine và 7,97 gam loại Heroine"*

Cơ quan điều tra xác minh chiếc xe máy BKS 33M9 - 9714 thuộc quyền sở hữu hợp pháp của Nguyễn Văn T. Nguyễn Văn T dùng xe máy đi đón Đ, rồi để Đ điều khiển xe đi mua ma túy sử dụng. Việc Đ mua và tàng trữ ma túy T không biết. Xét thấy hành vi Sử dụng trái phép chất ma túy của Nguyễn Văn T chưa đến mức truy cứu Trách nhiệm hình sự, Cơ quan điều tra Công an huyện V H đã xử phạt vi phạm hành chính, đề nghị UBND xã T Đ, huyện Ch M, Hà Nội áp dụng biện pháp giáo dục tại xã đối với Nguyễn Văn T và trả lại chiếc xe máy, 01 căn cước công dân và 01 điện thoại di động cho T.

Ngô Văn Đ và Nguyễn Văn T sử dụng ma túy tại nhà Sông A T, nhưng T không biết. Cơ quan điều tra không đặt vấn đề xử lý T về tội Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy.

Cáo trạng số 92/CT – VKS ngày 09/11/2018 của VKSND huyện V H, truy tố Sông A T về tội Mua bán trái phép chất ma túy theo điểm p khoản 2 điều 251 BLHS, truy tố Ngô Văn Đ về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy theo điểm i khoản 1 điều 249 BLHS. Tại phiên tòa, kiểm sát viên đề nghị HĐXX xem xét: Tuyên bố Sông A T phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy; Ngô Văn Đ phạm tội Tàng trữ trái phép chất ma túy.

* Áp dụng điểm p khoản 2 điều 251, điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt: Sông A T từ 12 (mười hai) năm 06 (sáu) tháng đến 13 (mười ba) năm 06 (sáu) tháng tù.

* Áp dụng điểm i khoản 1 điều 249, điểm s khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt: Ngô Văn Đ từ 42 (bốn hai) tháng đến 54 (năm bốn) tháng tù.

* Không phạt bổ sung đối với các bị cáo; áp dụng điều 47 Bộ luật hình sự, điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

+ Tịch thu để tiêu huỷ: 01 phong bì niêm phong bên trong đựng 19,13 gam Methamphetamine và 4,17 gam Heroine cùng vỏ gói niêm phong ban đầu; 01 phong bì niêm phong bên trong đựng 0,18 gam Methamphetamine và 3,33 gam Heroine cùng vỏ gói niêm phong ban đầu; 02 phong bì bên trong đựng que thử ma túy đối với Ngô Văn Đ, Nguyễn Văn T; 01 túi giả da màu tím có khóa đã qua sử dụng của Sông A T.

+ Tạm giữ để đảm bảo thi hành án phí: 200.000 đồng của Ngô Văn Đ, trả lại bị cáo 300.000 đồng.

+ Trả lại Sông A T 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo 1201 vỏ màu xanh đen, bên trong có 01 sim Viettel có số thuê bao 033.239.7546 và 01 sim Vinaphone số thuê bao 0948.037.433 đã qua sử dụng.

+ Tịch thu sung ngân sách nhà nước: 4.300.000 đồng của Sông A T;

+ Tạm giữ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Mastel, vỏ màu xanh đen có chứa 01 sim Viettel số thuê bao 0982.980.105 đã qua sử dụng của Ngô Văn Đ để đảm bảo thi hành án phí.

+ Trả lại Nguyễn Văn T 200.000 đồng tiền Ngân hàng Việt Nam.

- Chấp nhận việc Cơ quan điều tra đã trả lại 01 chiếc xe máy BKS 33M9 - 9714 đã qua sử dụng, 01 căn cước công dân và 01 điện thoại di động cho Nguyễn Văn T. Chấp nhận việc Cơ quan điều tra Công an huyện V H đã xử phạt vi phạm hành chính, đề nghị UBND xã T Đ, huyện Ch M, Hà Nội áp dụng biện pháp giáo dục tại xã đối với Nguyễn Văn T và không đặt vấn đề trách nhiệm hình sự với Sông A T về tội Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy.

- Các bị cáo phải chịu án phí HSST 200.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được

tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Ngày 06/10/2018 Ngô Văn Đ bị phát hiện bắt quả tang tàng trữ 0,47 gam Methamphetamine và 3,69 gam Heroine, tổng khối lượng là 4,16 gam ma túy. Ngô Văn Đ khai nhận đã mua số ma túy trên của Sông A T với giá 4.300.000 đồng, mục đích mang về sử dụng. Ngày 07/10/2018 Sông A T bị bắt giữ, thu giữ 19,13 gam Methamphetamine và 4,17 gam Heroine, tổng khối lượng là 24,09 gam ma túy. Sông A T khai nhận đã mua số ma túy trên của một người đàn ông dân tộc Mông, người Lào không biết tên, địa chỉ, mang về bán lại kiếm lời.

Như vậy, hành vi tàng trữ 4,16 gam ma túy, mục đích sử dụng của Ngô Văn Đ là đủ yếu tố cấu thành tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Hành vi mua tàng trữ 20,28 gam Methamphetamine và 7,97 gam Heroine (bao gồm cả khối lượng ma túy bán cho Ngô Văn Đ), mục đích bán lại kiếm lời, thu lợi bất chính 4.300.000 đồng của Sông A T đã phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy.

Các bị cáo đều tàng trữ để sử dụng hoặc bán lại kiếm lời 02 loại ma túy. Căn cứ Điều 4, Nghị định 19/2018/NĐ – CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ thì:

+ Tổng khối lượng của hai chất ma túy của Ngô Văn Đ là 3,69 gam Heroine + 0,47 gam Methamphetamine = 4,16 gam (tương đương khối lượng ma túy quy định tại điểm c khoản 1 điều 249 BLHS). Do đó, bị cáo đã phạm tội Tàng trữ trái phép chất ma túy.

+ Tổng khối lượng của hai chất ma túy của Sông A T (gồm số lượng bị bắt thu giữ và đã bán cho Ngô Văn Đ) là 7,97 gam Heroine + 20,28 gam Methamphetamine = 28,25 gam (tương đương khối lượng ma túy quy định tại điểm p khoản 2 điều 251 BLHS). Do đó, bị cáo đã phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy.

HĐXX xét thấy, việc khởi tố, truy tố của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát được thực hiện đúng trình tự, thủ tục tố tụng, có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] *Tính chất hành vi và vai trò của các bị cáo:* Bị cáo Ngô Văn Đ nghiện ma túy, phạm tội nghiêm trọng gây nguy hiểm cho xã hội; bị cáo Sông A T hám lời, bán ma túy thu lợi bất chính, phạm tội rất nghiêm trọng, làm lây lan tệ nạn ma túy, phát sinh tội phạm khác. Hành vi của các bị cáo xâm phạm chế độ quản lý độc quyền của Nhà nước về các chất ma túy, gây mất trật tự địa phương. Ngô Văn Đ và Sông A T đều có nhân thân xấu, đã bị bắt buộc cai nghiện. Do vậy, cần áp dụng hình phạt tù nghiêm khắc với hành vi phạm tội của các bị cáo, nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[3] *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:* Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, nên đều được xem xét cho hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại điểm s khoản 1 điều 51 BLHS. Ngô Văn Đ tích cực hợp tác với cơ quan điều tra khai báo phát hiện tội phạm, nên được áp dụng thêm điểm t khoản 1 điều 51 BLHS để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Sông A T là người dân tộc thiểu số, trình độ nhận thức hạn chế, có bố đẻ là người có công với cách mạng,

do đó, được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 điều 51 BLHS.

[4]*Về phạt bổ sung*: HĐXX xét thấy các bị cáo Ngô Văn Đ và Sòng A T đều nghiện ma túy, không có tài sản có giá trị, không có khả năng thi hành, nên không áp dụng phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[5]*Vật chứng của vụ án*:

+ 01 phong bì niêm phong bên trong đựng 19,13 gam Methamphetamine và 4,17 gam Heroine cùng vỏ gói niêm phong ban đầu; 01 phong bì niêm phong bên trong đựng 0,18 gam Methamphetamine và 3,33 gam Heroine cùng vỏ gói niêm phong ban đầu; 02 phong bì bên trong đựng que thử ma túy đối với Ngô Văn Đ, Nguyễn Văn T; 01 chiếc túi giả da màu tím có khóa đã qua sử dụng, là những vật bị cấm lưu hành hoặc không có giá trị sử dụng, cần tuyên tịch thu để tiêu hủy.

+ Số tiền 500.000 đồng thu của Ngô Văn Đ không liên quan đến tội phạm, không tịch thu nhưng tạm giữ 200.000 đồng để đảm bảo thi hành án phí. Còn lại trả lại bị cáo 300.000 đồng.

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo 1201 vỏ màu xanh đen, bên trong có 01 sim Viettel có số thuê bao 033.239.7546 và 01 sim Vinaphone số thuê bao 0948.037.433 đã qua sử dụng và 4.300.000 đồng của Sòng A T; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Mastel, vỏ màu xanh đen có chứa 01 sim Viettel số thuê bao 0982.980.105 đã qua sử dụng của Ngô Văn Đ là những vật các bị cáo dùng làm công cụ, phương tiện phạm tội và tiền do phạm tội mà có, cần tịch thu sung ngân sách nhà nước.

+ Số tiền 200.000 đồng tạm giữ của Nguyễn Văn T không liên quan đến việc phạm tội, cần tuyên trả lại Nguyễn Văn T.

+ 01 chiếc xe máy BKS 33M9 - 9714 đã qua sử dụng mà Ngô Văn Đ và Nguyễn Văn T dùng để đi mua ma túy sử dụng; 01 thẻ căn cước công dân và 01 điện thoại di động, đều là tài sản của Nguyễn Văn T. HĐXX xét thấy đây là những tài sản 01 hoặc không liên quan đến tội phạm, hoặc do Nguyễn Văn T chưa đến mức phải truy cứu trách nhiệm hình sự, Cơ quan điều tra đã xử phạt vi phạm hành chính, đề nghị chủ tịch UBND xã T Đ, huyện Ch M, Hà Nội áp dụng biện pháp giáo dục tại xã đối với Nguyễn Văn T và trả lại những tài sản trên cho Nguyễn Văn T là có căn cứ, cần chấp nhận.

[6]*Về nguồn gốc chất ma túy*: Sòng A T khai đã mua số Heroine và Methamphetamine của một người đàn ông dân tộc Mông, quốc tịch Lào không biết tên, địa chỉ về bán cho Ngô Văn Đ. Cơ quan điều tra không có căn cứ xác minh, xử lý người bán ma túy. Do vậy, Sòng A T phải chịu trách nhiệm về hành vi tàng trữ mục đích mua bán trái phép 28,25 gam ma túy.

Ngô Văn Đ và Nguyễn Văn T sử dụng ma túy tại nhà Sòng A T, nhưng Sòng A T không biết. Do vậy, chấp nhận việc Cơ quan điều tra đã không đặt vấn đề trách nhiệm hình sự với Sòng A T về tội Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy.

Các bị cáo Sòng A T, Ngô Văn Đ phải chịu án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm p khoản 2 điều 251, điểm i khoản 1 điều 249 BLHS, Tuyên bố bị cáo Sông A T phạm tội: **Mua bán trái phép chất ma túy. Bị cáo Ngô Văn Đ phạm tội Tàng trữ trái phép chất ma túy.**

1 - Áp dụng điểm p khoản 2 điều 251, điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51 BLHS, xử phạt: Sông A T 13 (Mười ba) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 07/10/2018.

Không phạt bổ sung đối với bị cáo.

2 - Áp dụng điểm i khoản 1 điều 249, điểm s,t khoản 1 điều 51 BLHS, xử phạt: **Ngô Văn Đ 04 (Bốn) năm tù.** Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 06/10/2018.

Không áp dụng phạt bổ sung đối với bị cáo.

3. Về vật chứng: Áp dụng các điểm a, b, c khoản 1 điều 47 BLHS, điểm a, b, c khoản 2, điểm a, b khoản 3 điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

+ Tịch thu để tiêu hủy: **01 phong bì niêm phong bên trong đựng 19,13 gam Methamphetamine và 4,17 gam Heroine cùng vỏ gói niêm phong ban đầu; 01 phong bì niêm phong bên trong đựng 0,18 gam Methamphetamine và 3,33 gam Heroine cùng vỏ gói niêm phong ban đầu; 02 phong bì bên trong đựng que thử ma túy đối với Ngô Văn Đ, Nguyễn Văn T; 01 chiếc túi giả da màu tím có khóa đã qua sử dụng.**

+ Tịch thu sung ngân sách nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo 1201 vỏ màu xanh đen, bên trong có 01 sim Viettel có số thuê bao 033.239.7546 và 01 sim Vinaphone số thuê bao 0948.037.433 đã qua sử dụng và 4.300.000 đồng của Sông A T; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Mastel, vỏ màu xanh đen có chứa 01 sim Viettel số thuê bao 0982.980.105 đã qua sử dụng của Ngô Văn Đ.

+ Tạm giữ 200.000 đồng của Ngô Văn Đ để đảm bảo thi hành án phí. Trả lại bị cáo 300.000 đồng.

+ Trả lại số tiền 200.000 đồng cho Nguyễn Văn T.

Toàn bộ Vật chứng theo biên bản giao vật chứng số: 18/BBVC, ngày 17/10/2018 và Biên lai thu tiền số 0000854 ngày 12/11/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V H.

+ Chấp nhận việc Cơ quan điều tra Công an huyện V H không đặt vấn đề xử lý Sông A T về tội Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy.

+ Chấp nhận việc Cơ quan điều tra đã trả lại 01 chiếc xe máy BKS 33M9 - 9714 đã qua sử dụng; 01 thẻ căn cước công dân và 01 điện thoại di động cho Nguyễn Văn T và Quyết định xử phạt vi phạm hành chính, đề nghị chủ tịch UBND xã T Đ, huyện Ch M, Hà Nội áp dụng biện pháp giáo dục tại xã đối với Nguyễn Văn T.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Điểm a khoản 1 điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án, mỗi bị

cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có QLNVLQ vắng mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án của Tòa án.

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – chủ tọa

Hội thẩm nhân dân

Quách Công Cầm

Nguyễn Đăng Quang

Trần Thị Thu Thủy

Nơi nhận:

- TAT
- VKS tỉnh, huyện
- CA huyện, CQ THAHS
- Sơ TP
- Trại Giam
- Bị cáo
- Người có QLNVLQ
- Lưu HS.
- Lưu VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đăng Quang

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 27-HS:

Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo bản hướng dẫn này được soạn thảo theo tinh thần quy định tại các điều 254, 260 và 423 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo hướng dẫn này được sử dụng cho tất cả các Tòa án khi xét xử sơ thẩm vụ án hình sự. Sau đây là những hướng dẫn cụ thể về việc sử dụng mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo:

(1) và (4) nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì ghi tên Tòa án nhân dân quận (huyện, thị xã, thành phố) gì thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi tên Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (ví dụ: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án quân sự khu vực thì ghi tên Tòa án quân sự khu vực gì thuộc quân khu, quân chủng nào; nếu là Tòa án quân sự quân khu, quân chủng thì ghi tên Tòa án quân sự quân khu, quân chủng (ví dụ: Tòa án quân sự Quân khu Thủ đô).

(2) ô thứ nhất ghi số Bản án, ô thứ hai ghi năm ra Bản án (ví dụ: 16/2017/HS-ST).

(3) ghi ngày, tháng, năm tuyên án không phân biệt vụ án được xét xử sơ thẩm và kết thúc trong một ngày hay được xét xử sơ thẩm trong nhiều ngày hoặc nghị án kéo dài.

(5) nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm ba người, thì chỉ ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, bỏ dòng Thẩm phán..., đối với Hội thẩm nhân dân (quân nhân) chỉ ghi đầy đủ họ tên của hai Hội thẩm nhân dân (quân nhân); nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có năm người, thì ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, họ tên của Thẩm phán, họ tên của cả ba Hội thẩm nhân dân (quân nhân). Cần chú ý không ghi chức vụ của Thẩm phán; đối với vụ án hình sự thông thường thì không ghi chức vụ, nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân (quân nhân); đối với vụ án hình sự có bị cáo là người dưới 18 tuổi thì ghi nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân (quân nhân). Nếu vụ án do Tòa án quân sự giải quyết thì không ghi Ông (Bà) mà ghi cấp bậc quân hàm.

(6) ghi đầy đủ họ tên của Thư ký phiên tòa và ghi rõ là Thư ký Tòa án hoặc Thẩm tra viên của Tòa án nào như hướng dẫn tại điểm (1).

(7) ghi tên Viện kiểm sát như hướng dẫn tại (1); ghi họ tên Kiểm sát viên thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử tại phiên tòa.

(8) Trường hợp vụ án được xét xử và kết thúc trong một ngày thì bỏ hai chữ Trong các (ví dụ: Ngày 15 tháng 7 năm 2017). Trường hợp vụ án được xét xử trong hai ngày thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 02, 03 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà liền nhau thì ghi Từ ngày đến ngày (ví dụ: Từ ngày 06 đến ngày 10 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà không liền nhau thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 07, 08 và ngày 15 tháng 3 năm 2017); nếu khác tháng mà liền nhau thì ghi từ ngày... tháng... đến ngày... tháng... (ví dụ: Từ ngày 31 tháng 05 đến ngày 02 tháng 6 năm 2017); nếu không liền nhau thì ghi các ngày của từng tháng (Ví dụ: Trong các ngày 30, 31 tháng 3 và các ngày 04, 05 tháng 4 năm 2017).

(9) nếu vụ án được xét xử tại trụ sở Tòa án thì ghi như hướng dẫn tại mục (1) (4). Nếu vụ án được xét xử lưu động thì ghi địa điểm nơi diễn ra phiên tòa.

(10) nếu xét xử kín thì thay cụm từ công khai bằng từ kín.

(11) và (12) ghi đầy đủ họ tên bị cáo và các bí danh, tên thường gọi khác (nếu có); nếu bị cáo là người dưới 18 tuổi phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh tính đến ngày bị cáo thực hiện hành vi phạm tội (ví dụ: Đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 16 tuổi 8 tháng 15 ngày); nếu bị cáo trên 18 tuổi thì ghi ngày, tháng, năm sinh hoặc tuổi; ghi nơi đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú, nơi sinh sống của bị cáo. Đối với tiền sự thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị xử lý đó tính đến ngày phạm tội chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý hành chính hoặc bị xử lý kỷ luật. Đối với tiền án thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp

luật lần bị kết án đó tính đến ngày phạm tội chưa được xoá án. Về nhân thân ghi án tích, đã bị xử phạt vi phạm hành chính, đã xử lý kỷ luật cụ thể các lần đó và ghi rõ là các án tích, xử phạt vi phạm hành chính, xử lý kỷ luật đó đã được xoá. Trường hợp bị cáo là pháp nhân thương mại thì ghi tên, địa chỉ trụ sở, tên người đại diện theo pháp luật, tiền án, tiền sự của pháp nhân thương mại và các thông tin cần thiết khác; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(13) ghi ngày bị cáo bị bắt, tạm giam; nếu Tróc đó bị cáo đã bị tạm giữ, bị bắt, tạm giam, thì ghi ngày bị tạm giữ, ngày bị bắt, tạm giam và ngày được cho tại ngoại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(14) và (15) nếu bị cáo có người đại diện hợp pháp thì ghi rõ họ tên của bị cáo đó (ví dụ: Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Văn A). Sau chữ là ghi quan hệ như thế nào với bị cáo (ví dụ: là bố của bị cáo); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(16) nếu có người bào chữa thì ghi đầy đủ họ tên của người bào chữa và họ tên của bị cáo được bào chữa; nếu người bào chữa là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào (ví dụ: Ông Trần B, Luật sư Văn phòng luật sư Vạn Xuân thuộc Đoàn luật sư tỉnh H bào chữa cho Nguyễn Văn C); nếu không phải là luật sư thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của người bào chữa (ví dụ: Bà Lê Thị M, bào chữa viên nhân dân công tác tại Hội luật gia tỉnh M bào chữa cho Nguyễn Văn D); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(17), (18), (19), (20), (21), (22), (23) và (24) nếu có người nào tham gia tố tụng thì ghi đầy đủ họ tên, tuổi, nơi cư trú của người đó. Trường hợp bị hại là người bị xâm phạm về tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự và là người dưới 18 tuổi, thì phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh của bị hại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(25) nếu bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có người bảo vệ quyền lợi cho họ, thì ghi đầy đủ họ tên của họ theo thứ tự; nếu người bảo vệ quyền lợi của đương sự là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào; nếu không phải là luật sư thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của người bảo vệ quyền lợi cho đương sự; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi có mặt và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi vắng mặt.

(26) nếu có người tham gia tố tụng là người làm chứng thì ghi đầy đủ họ tên; nếu người tham gia tố tụng là người giám định, người định giá tài sản, người phiên dịch, người dịch thuật thì ghi đầy đủ họ tên, cơ quan công tác.

(27) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm b và điểm c khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

(28) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại các điểm d, đ và e khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [].

(29) tùy từng Trường hợp mà ghi rõ căn cứ pháp luật để ra quyết định.

(30) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

(31) phần cuối cùng của bản án, đối với bản án được thông qua tại phòng nghị án thì phải có đầy đủ chữ ký, ghi đầy đủ họ tên của các thành viên Hội đồng xét xử và đóng dấu (bản án này phải lưu vào hồ sơ vụ án); đối với bản án để gửi cho các bị cáo, các đương sự, cơ quan, tổ chức,

cá nhân có liên quan và Viện kiểm sát theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự thì ghi như sau:

Nơi nhận:

Ghi những nơi mà Tòa án cấp sơ thẩm phải giao hoặc gửi bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 262 của Bộ luật Tố tụng hình sự và những nơi cần lưu bản án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)